

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: 37/2011/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày 30 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ GIÁ DỊCH VỤ XE RA, VÀO BẾN XE Ô TÔ TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Thông tư số 24/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2010 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 129/2010/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/8/2010 của liên Bộ Tài chính và Bộ Giao thông Vận tải, hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 1693/TTr- SGTVT ngày 26/10/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định về giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Giao Sở Giao thông Vận tải triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Điều 1, Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông Vận tải, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Thủ trưởng các Sở, Ngành và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Bón

QUY ĐỊNH

VỀ GIÁ DỊCH VỤ XE RA, VÀO BẾN XE Ô TÔ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến đối với các bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các đơn vị khai thác bến xe, đơn vị vận tải tham gia vận chuyển hành khách theo tuyến cố định từ các bến xe trên địa bàn tỉnh đi các nơi, các xe trung chuyển hành khách, xe buýt, xe taxi vào bến đón trả khách và các phương tiện dừng tại bến để bốc, dỡ hàng hóa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô: là số tiền đơn vị vận tải phải trả cho đơn vị kinh doanh khai thác bến xe khi đưa xe vào bến hoạt động.

Chương II

PHÂN LOẠI BẾN XE

Điều 4. Quy chuẩn, phân loại bến xe khách

1. Bến xe khách được phân thành 06 loại tương ứng với quy chuẩn quy định tại Thông tư số 24/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2010 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, gồm có:

- a) Bến xe loại 1;
- b) Bến xe loại 2;
- c) Bến xe loại 3;
- d) Bến xe loại 4;
- đ) Bến xe loại 5;
- e) Bến xe loại 6.

2. Giao cho Sở Giao thông Vận tải căn cứ vào các tiêu chuẩn phân loại bến xe của Bộ Giao thông Vận tải, công bố các loại bến xe ô tô khách trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Chương III

GIÁ DỊCH VỤ XE RA VÀO BẾN XE Ô TÔ

Điều 5. Quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô

Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô (bao gồm cả thuế VAT) thu theo loại bến xe, phân theo tuyến liên tỉnh, nội tỉnh, theo tải trọng xe hoặc theo số ghế thiết kế của xe ghi trong sổ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (trừ ghế lái, phụ xe) và chỉ thu một lần khi xe rời bến. Áp dụng đối với:

1. Xe khách ra vào bến đón, trả khách; xe trung chuyển hành khách; xe taxi, xe buýt ra vào bến xe để đón, trả khách.
2. Xe ô tô tải ra, vào bến để bốc, dỡ hàng hóa thu theo lượt của từng tải trọng xe ghi trong sổ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Việc thu, nộp giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2010 của Bộ Giao thông Vận tải.

Điều 6. Mức thu đối với xe ra, vào bến xe ô tô

1. Mức thu đối với xe ô tô khách

Số TT	DANH MỤC	Đơn vị tính	Giá dịch vụ bến xe ô tô		
			Bến xe loại 1, 2	Bến xe loại 3, 4	Bến xe loại 5, 6
I	Tuyến cố định nội tỉnh	đ/ghế xe	1.000	1.000	1.000
II	Tuyến cố định liên tỉnh trong nước				
1	Tuyến đi các tỉnh: Đắk Lắk, Lâm Đồng, Bình Phước.	đ/ghế xe	2.000	2.000	2.000
2	Cự ly dưới 300 km (trừ các tuyến ghi tại Điểm 1)	đ/ghế xe	3.500	3.000	2.500
3	Cự ly từ 300 km đến 500 km	đ/ghế xe	4.000	3.500	3.000
4	Cự ly trên 500 km	đ/ghế xe	5.000	4.000	3.500
III	Xe buýt	đ/lượt xe	10.000	7.500	5.000
IV	Xe taxi ra, vào bến đón, trả khách	đ/lượt xe	4.000	3.000	2.000
V	Xe ghé qua bến				
1	Xe trung chuyển hành khách	đ/lượt xe	10.000	7.500	7.500
2	Xe khách ghé qua bến trả khách	đ/lượt xe	10.000	7.500	5.000

Ghi chú: Đối với xe khách chất lượng cao trang bị ghế nằm, giường nằm mức thu tăng thêm tối đa 500 đồng/ghế xe so với mức quy định tại Khoản 1 điều này

2. Mức thu đối với xe ô tô vận tải hàng hóa

Số TT	DANH MỤC	Đơn vị tính	Giá dịch vụ bến		
			Bến xe loại 1, 2	Bến xe loại 3, 4	Bến xe loại 5, 6
1	Tải trọng xe dưới 2 tấn	đ/lượt xe	8.000	5.000	2.000

2	Tải trọng xe từ 2 tấn đến dưới 5 tấn	đ/lượt xe	10.000	7.500	5.000
3	Tải trọng xe từ 5 tấn đến dưới 10 tấn	đ/lượt xe	15.000	10.000	7.500
4	Tải trọng xe trên 10 tấn	đ/lượt xe	20.000	15.000	10.000
5	Xe đầu kéo kéo sơ mi rơ-moóc	đ/lượt xe	30.000	20.000	15.000

3. Điều chỉnh giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô

a) Mức giá trên đây là giá tối đa, tùy theo quy mô đầu tư cơ sở vật chất của bến xe ô tô, các đơn vị kinh doanh khai thác bến xe áp dụng mức thu cho phù hợp nhưng không được vượt quá mức quy định nêu trên và thực hiện kê khai, đăng ký giá với cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

b) Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình UBND tỉnh quyết định điều chỉnh giá dịch vụ xe ra, vào bến khi có sự biến động giá trên thị trường theo đề nghị của UBND các huyện, thị xã hoặc các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh khai thác bến xe.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Kiểm tra thực hiện

1. Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan thực hiện việc kiểm tra các bến xe trên địa bàn tỉnh và xử lý các trường hợp vi phạm của các bến xe, đơn vị vận tải theo Quy định này và các quy định pháp luật pháp luật có liên quan.

2. UBND các huyện, thị xã, chỉ đạo Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị tổ chức thực hiện nghiêm Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan tại các bến xe thuộc phạm vi quản lý; đề nghị điều chỉnh giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô cho phù hợp với quy mô đầu tư của bến xe.

Điều 8. Xử lý vi phạm

1. Đối với đơn vị khai thác bến xe

Việc thu vượt mức giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô được quy định tại quy định này được xem là hành vi vi phạm. Tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Đối với đơn vị vận tải

a) Việc thực hiện giá dịch vụ xe ra, vào bến được thể hiện trong hợp đồng khai thác tuyến giữa đơn vị vận tải và đơn vị khai thác bến xe.

b) Các hành vi vi phạm trong khi thực hiện hợp đồng, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo các điều khoản của hợp đồng hoặc bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm triển khai tổ chức thực hiện nghiêm Quy định này.

2. Các đơn vị khai thác bến xe tổ chức thỏa thuận ký kết hợp đồng với các đơn vị vận tải theo Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan; định kỳ hàng tháng, quý báo cáo tình hình thực hiện thu giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô về Sở Giao thông Vận tải./.